Sign In

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 83/1998/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hoàn thuế doanh thu nguyên vật liệu và bán thành phẩm mua của cơ sở sản xuất để sản xuất hàng xuất khẩu

Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 27/12/1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế doanh thu và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế doanh thu;

Thực hiện khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam; điểm 2 Nghị quyết số 02/1998/NQ-CP ngày 26/01/1998 của Chính phủ về chính sách, biện pháp khuyến khích xuất khẩu; Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện hoàn thuế doanh thu đối với cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HOÀN THUẾ DOANH THU:

1. Đối tượng được hoàn thuế doanh thu là các cơ sở trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu có mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm của cơ sở sản xuất khác ở trong nước đã có thuế doanh thu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Sản xuất hàng xuất khẩu theo quy định này không bao gồm hoạt động khai thác tài nguyên xuất khẩu.

Xuất khẩu bao gồm xuất bán ra nước ngoài và bán cho các doanh nghiệp sản xuất trong khu chế xuất.

2. Số tiền thuế doanh thu được hoàn là số thuế doanh thu tính trong giá (doanh số) mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm mà cơ sở sản xuất đã dùng vào sản xuất hàng hoá xuất khẩu.

Ví dụ: Công ty A may quần áo xuất khẩu, đã xuất khẩu 1.000 bộ quần áo. Để may 1.000 bộ quần áo xuất khẩu, Công ty đã mua 4.000 mét vải của Công ty B, trị giá mua là 80 triệu đồng; mua cúc áo, chỉ và một số vật liệu khác của các Công ty sản xuất C, D, trị giá mua là 10 triệu đồng.

Số thuế doanh thu đã tính trong giá mua số nguyên vật liệu trên là 3,5 triệu đồng (tính theo thuế suất thuế doanh thu từng mặt hàng). Công ty A sẽ được hoàn trả lại tiền thuế là 3,5 triệu đồng.

Việc hoàn thuế doanh thu trên đây không áp dụng đối với:

Nhiên liệu, động lực, dịch vụ, vận tải dùng vào sản xuất hàng xuất khẩu.

Các loại nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm mà cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu mua của cơ sở kinh doanh thương nghiệp, cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu, tự nhập khẩu hoặc mua của các đối tượng không phải nộp thuế doanh thu.

II. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN THUẾ DOANH THU ĐƯỢC HOÀN

Căn cứ xác định số tiền thuế doanh thu hoàn trả cho cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu là:

1. Doanh số mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm của cơ sở sản xuất khác ở trong nước được ghi trên hoá đơn mua vào. Hoá đơn mua vào là loại hoá đơn do Bộ Tài chính phát hành hoặc hoá đơn đặc thù do đơn vị phát hành đã được Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) cho sử dụng, hoá đơn phải ghi đúng, đầy đủ các tiêu thức, nội dung in trên hoá đơn. Cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm không có hoá đơn theo quy định này thì không được hoàn thuế doanh thu.

2. Mức thuế suất thuế doanh thu áp dụng đối với nguyên vật liệu, bán thành phẩm mà cơ sở đã mua vào.

3. Số thuế doanh thu của nguyên vật liệu, bán thành phẩm thực tế đã dùng vào sản xuất hàng xuất khẩu.

Cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu phải hạch toán riêng doanh số nguyên vật liệu, bán thành phẩm mua của cơ sở sản xuất khác ở trong nước đã dùng vào sản xuất hàng xuất khẩu để xác định số thuế doanh thu được hoàn trả.

4. Các hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hoá do cơ sở sản xuất thực tế đã xuất khẩu:

Hợp đồng xuất khẩu ký với nước ngoài.

Hoá đơn bán hàng xuất khẩu.

Tờ khai hàng xuất khẩu có kiểm tra xác nhận của cơ quan hải quan về số lượng, chủng loại hàng hoá thực tế xuất khẩu.

III. THỦ TỤC HỒ SƠ, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT HOÀN THUẾ

1. Thủ tục hồ sơ:

Cơ sở sản xuất thuộc đối tượng được hoàn thuế doanh thu phải lập và gửi cho cơ quan thuế nơi cơ sở đăng ký, kê khai, nộp thuế doanh thu các hồ sơ sau đây:

Công văn đề nghị hoàn thuế doanh thu đầu vào của cơ sở, xác định rõ số doanh thu đề nghị hoàn lại.

Các hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hoá do cơ sở sản xuất thực tế đã xuất khẩu (nêu tại điểm 4 phần II Thông tư này).

Bảng kê nguyên vật liệu, bán thành phẩm mua của cơ sở sản xuất trong nước có liên quan đến việc xác định thuế doanh thu đầu vào để đề nghị hoàn thuế (theo mẫu số 01).

Bảng kê khai thuế doanh thu đề nghị hoàn trả cho cơ sở (theo mẫu số 02).

Hồ sơ đề nghị hoàn thuế doanh thu cơ sở phải lập đầy đủ, đúng quy định. Trường hợp hồ sơ có các bản sao như hợp đồng xuất khẩu ký với nước ngoài phải đóng dấu sao công chứng; các chứng từ khác của cơ sở sản xuất phải đóng dấu sao của cơ sở.

2. Thẩm quyền giải quyết hoàn thuế:

a. Trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan thuế:

Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm hướng dẫn các đối tượng được hoàn thuế lập đúng, đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định.

Khi nhận được hồ sơ xin hoàn thuế doanh thu của cơ sở, cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra, xác định cụ thể số lượng hàng hoá do cơ sở sản xuất thực tế đã xuất khẩu; giá trị nguyên vật liệu, bán thành phẩm dùng vào sản xuất hàng xuất khẩu, trên cơ sở đó xác định số thuế doanh thu được hoàn. Thời gian kiểm tra giải quyết hoàn thuế là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, nếu hồ sơ của cơ sở chưa đúng hoặc chưa đầy đủ phải thông báo cho cơ sở bổ sung kịp thời. Trong trường hợp phải kiểm tra xác minh hồ sơ mất nhiều thời gian thì thời hạn giải quyết hoàn thuế doanh thu không quá 30 ngày. Đối với các trường hợp không thuộc đối tượng được xem xét giải quyết hoàn thuế, cơ quan thuế nhận hồ sơ phải thông báo cho cơ sở biết trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Để việc giải quyết hoàn thuế doanh thu cho các cơ sở được kịp thời, Bộ trưởng Bộ Tài chính uỷ quyền cho Cục trưởng Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, giải quyết hoàn thuế doanh thu đối với các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu do Cục thuế quản lý thu thuế. Đối với các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu Cục thuế phân cấp cho Chi cục thuế quản lý, Chi cục thuế có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và gửi toàn bộ hồ sơ kèm theo ý kiến đề nghị của Chi cục về Cục thuế giải quyết theo thẩm quyền.

Khi giải quyết hoàn thuế, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định hoàn thuế (theo mẫu số 03); quyết định được lập thành 06 bản đối với đối tượng nộp thuế do Chi cục thuế quản lý (hoặc 05 bản đối với đối tượng nộp thuế do Cục thuế quản lý) và được gửi như sau:

01 bản gửi Chi cục thuế (trường hợp đối tượng được hoàn thuế do Chi cục thuế quản lý).

03 bản lưu tại Cục thuế.

01 bản gửi đối tượng được hoàn thuế.

01 bản gửi Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố.

Căn cứ vào quyết định hoàn thuế doanh thu, Cục thuế lập Bộ lệnh chi hoàn thuế doanh thu (mẫu số 04). Bộ lệnh chi hoàn thuế do Bộ Tài chính in ấn, phát hành và quản lý sử dụng thống nhất trong cả nước. Khi lập lệnh chi hoàn thuế doanh thu phải đảm bảo các quy định sau:

Phải đánh máy, 04 liên sau lót giấy than, bảo đảm thống nhất không sai sót, nhầm lẫn.

Phải ghi rõ ràng, không tẩy xoá, sửa chữa và ghi đầy đủ các nội dung đã quy định.

Bộ lệnh chi hoàn thuế lập xong, Cục thuế chuyển toàn bộ (gồm 05 liên) gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố kèm quyết định chi hoàn thuế.

b. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố có trách nhiệm làm thủ tục chi hoàn trả tiền thuế cho cơ sở theo lệnh chi hoàn thuế của Cục trưởng Cục thuế tỉnh, thành phố trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được Lệnh chi hoàn thuế, hạch toán chi ngân sách Trung ương theo Chương 160A - Loại 10 - Khoản 10 - mục 134 "Chi khác", tiểu mục 13 "Chi hoàn thuế doanh thu đối với cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu".

Cuối tháng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố lập báo cáo chi hoàn thuế doanh thu kèm theo chứng từ (Giấy báo nợ) gửi Kho bạc Nhà nước Trung ương để tổng hợp báo cáo, gửi Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách nhà nước). Thời gian gửi báo cáo tháng như quy định tại điểm 6 phần V Thông tư số 09 TC/NSNN ngày 18/3/1997 của Bộ Tài chính.

c. Hàng quý, Cục thuế tỉnh, thành phố căn cứ vào chứng từ đã hoàn thuế cho cơ sở, tổng hợp số tiền đã chi hoàn thuế doanh thu theo mẫu số 05 có xác nhận của Kho bạc Nhà nước, gửi báo cáo về Tổng cục Thuế. Tổng cục Thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách nhà nước).

Thời hạn gửi báo cáo:

Các Cục thuế gửi báo cáo về Tổng cục Thuế chậm nhất không quá ngày 10 của tháng đầu quý sau.

Tổng cục Thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách Nhà nước) chậm nhất không quá ngày 20 của tháng đầu quý sau.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và giải quyết hoàn thuế doanh thu đối với đơn vị có các hoá đơn mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm để sản xuất hàng xuất khẩu phát sinh từ ngày 01 tháng 6 năm 1998. Việc giải quyết hoàn thuế đối với cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu được thực hiện từng quý.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương và cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu xem xét hướng dẫn bổ sung cho phù hợp.

Tên đơn vị: CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:..... *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Ngày.... tháng.... năm 199...

ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ DOANH THU CỦA NGUYÊN VẬT LIỆU
VÀ BÁN THÀNH PHẨM MUA CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT
ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

Kính gửi: **Cục thuế**.....

Cơ sở sản xuất:.....

Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Số TK:..... tại Ngân hàng:.....

Số TK:..... tại Kho bạc:.....

Trong quý.... năm....., cơ sở đã xuất khẩu các mặt hàng do cơ sở sản xuất cụ thể sau đây:

Số TT	Danh mục mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Doanh số mua NVL để sản xuất hàng XK	Số thuế DTđề nghị hoàn

Đề nghị cơ quan thuế giải quyết hoàn lại số thuế doanh thu của số vật tư, bán thành phẩm cơ sở đã mua dùng vào sản xuất số hàng xuất khẩu nói trên là:..... đồng.

Chúng tôi xin gửi kèm theo công văn đề nghị các hồ sơ sau:

1. Hợp đồng sản xuất (hoặc bán) hàng xuất khẩu ký với nước ngoài.
2. Hoá đơn bán hàng xuất khẩu.
3. Tờ khai Hải quan có xác nhận hàng hoá đã xuất khẩu.
4. Bảng kê khai số thuế doanh thu đã nộp khâu trước (mẫu số 1).
5. Bảng tính số thuế doanh thu đề nghị hoàn trả (mẫu số 2).

TM/ đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI SỐ THUẾ DOANH THU TÍNH TRÊN DOANH SỐ NGUYÊN VẬT LIỆU, BÁN THÀNH PHẨM CƠ SỞ MUA VÀO

QUÝ:...../1998

Tên cơ sở bán	Chứng từ mua	Tên nguyên	Đơn vị tính	Đơn giá	Sản lượng	Thành tiền	Thuế suất	Tổng số thuế	Ghi chú

	nguyên vật liệu, bán thành phẩm	vật liệu, bán thành phẩm					thuế doanh thu	doanh thu	
	Số	Ngày							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8x9	11
Tổng cộng										

Chúng tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng thực tế. Nếu sai, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc.....

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Căn cứ vào chứng từ mua hàng, cơ sở lập Bảng kê từng quý có phân theo từng tháng, ghi theo thứ tự thời gian chứng từ mua nguyên vật liệu, bán thành phẩm của cơ sở sản xuất trong nước (những nguyên vật liệu, bán thành phẩm có liên quan đến sản xuất hàng xuất khẩu). Căn cứ vào doanh số mua và thuế suất thuế doanh thu đối với từng loại nguyên vật liệu, bán thành phẩm, cơ sở lập bảng tính số thuế doanh thu đầu vào.

Bảng kê khai này được lập và gửi kèm theo văn bản đề nghị hoàn thuế.

Mẫu số: 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TÍNH THUẾ DOANH THU ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ

QUÝ..... NĂM.....

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Tel:..... Fax:.....

Số TK:..... tại Ngân hàng:.....

Số TK:..... tại Kho bạc:.....

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Số vật tư, bán thành phẩm mua vào trong kỳ.	
Trong đó:	
+ Số vật tư, bán thành phẩm dùng vào sản xuất hàng XK.	